

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2022

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân là Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 301/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh T. Chỗ ở: Số 102/16, đường Văn Công K, khu 10, tổ 66, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Phước T, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh A. Chỗ ở: Số 102/16, đường V, khu 10, tổ 66, phường Phú C, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2021 và tại bản tự khai ngày 01/12/2021,

nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim T trình bày: Chị Đỗ Thị Kim T và anh Lưu Phước T là vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 23/02/2012. Vợ chồng chung sống nhưng luôn bất đồng quan điểm, do tính tình không hợp nhau, anh T không lo làm ăn mà hay tụ tập bạn bè uống rượu bia và không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con; về tiền bạc anh T cũng không đưa cho chị T để chăm lo cho các con. Vì tính tình cố chấp, không lo cho cuộc sống gia đình, chị T khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi nên T đã sống ly thân anh T từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lưu Thị Thúy D, sinh ngày 04/4/1999 và Lưu Phước Duy K, sinh ngày 30/8/2007. Chị T làm nghề buôn bán tại chợ T, hiện tại cả hai con đang sống cùng chị T; anh T làm nghề lái đò nhưng hiện đã không còn làm nữa mà chuyển sang làm phụ hồ. Đối với con Lưu Phước Duy K có nguyện vọng được sống cùng mẹ, đối với con Lưu Thị Thúy D đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phước Duy K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con,

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lưu Phước T: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lưu Phước T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/12/2021; tham gia phiên tòa vào các ngày 15/02/2022 và 09/3/2022 nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh T cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Ngày 30/11/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Đỗ Thị Kim T và anh Lưu Phước T tại địa phương và được bà Trần Thu L là cán bộ Ban điều hành khu phố 10, phường P, thành phố T, tỉnh B cung cấp: Quá trình chị Đỗ Thị Kim T và anh Lưu Phước T sinh sống tại địa phương, chính quyền không ghi nhận anh, chị có mâu thuẫn vì chị T, anh T không khai báo và cũng không có đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về

mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Lưu Phước T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lưu Phước T Toà án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà vào các ngày 15/02/2022 và 09/3/2022 nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim T và anh Lưu Phước T là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 23/02/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị T trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến chị T, không chăm lo cuộc sống vợ chồng còn hay uống rượu bia mà không phụ chị T về kinh tế để chăm lo cho các con. Từ cuối năm 2014, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện việc vợ chồng chị T, anh T có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ, vì vợ chồng chị T, anh T không trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, quá trình Toà án thụ lý hồ sơ đã nhiều lần triệu tập anh T đến toà để làm việc và cung cấp chứng cứ cũng như trình bày ý kiến nhưng anh T không đến toà cũng không nộp bất kỳ chứng cứ nào thể hiện anh T muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do, chị T còn làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành đối chất, hòa giải cho thấy cả chị T, anh T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị T, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lưu Thị Thúy D, sinh ngày 04/4/1999 và Lưu Phước Duy Kh, sinh ngày 30/8/2007. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phước Duy K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án cháu Lưu Phước Duy K có nguyện

vọng muốn sống cùng mẹ, quá trình cháu K được chị T nuôi dưỡng cũng phát triển thể chất và học tập ổn định nên việc giao con Lưu Phước Duy K cho chị T nuôi dưỡng cũng phù hợp với mong muốn của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên ghi nhận. Riêng con Lưu Thị Thuý D đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim Thuý đối với bị đơn anh Lưu Phước Thái về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim T được ly hôn với anh Lưu Phước T.

1.2. Về con chung: Giao con chung Lưu Phước Duy K, sinh ngày 30/8/2007 cho chị Đỗ Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Kim T không yêu cầu anh Lưu Phước T cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Lưu Thị Thuý D đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T không có quyền cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Kim T phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000594 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nguyệt Ánh